

Phụ lục
HƯỚNG DẪN GIÁ DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTC ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

1. Giá dịch vụ quản lý thành viên

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên của SGDCK và không phát sinh việc hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên của SGDCK và không phát sinh việc hủy bỏ tư cách thành viên trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên của SGDCK và bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên của SGDCK và bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên.

c) Trường hợp thành viên của SGDCK hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải thực hiện các thủ tục đăng ký thành viên mới thì phải trả tiền sử dụng dịch vụ tương tự như trường hợp đăng ký làm thành viên mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ:

Trường hợp thành viên của SGDCK hủy bỏ tư cách thành viên, SGDCK hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ cho thành viên phần chênh lệch giữa giá dịch vụ mà thành viên đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

2. Giá dịch vụ đăng ký niêm yết

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết chứng khoán được chấp thuận niêm yết và sau đó bị hủy niêm yết bắt buộc hoặc tự nguyện thì tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm không được hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ đăng ký niêm yết.

3. Giá dịch vụ quản lý niêm yết

a) Giá dịch vụ quản lý niêm yết cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đầu tư, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công.

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

a1) Mức giá

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

- Trường hợp một tổ chức thực hiện niêm yết nhiều mã chứng khoán trên cùng một SGDCK thì giá được tính trên từng mã chứng khoán.

a2) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp chứng khoán đang được niêm yết và không bị hủy niêm yết trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết lần đầu và không bị hủy niêm yết trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ của năm đầu tiên sẽ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp chứng khoán đang được niêm yết nhưng bị hủy niêm yết trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng của ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

- Trường hợp chứng khoán niêm yết lần đầu nhưng bị hủy niêm yết trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết đến hết tháng của ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

a3) Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có thay đổi đăng ký niêm yết dẫn đến thay đổi giá dịch vụ phải trả (không áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục (ETF)) thì giá dịch vụ quản lý niêm yết được tính bằng tổng của:

- Giá tính theo mức tương ứng với loại chứng khoán, giá trị niêm yết cũ, Thời gian tính giá dịch vụ từ tháng đầu năm (hoặc từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết đối với trường hợp niêm yết mới trong năm) đến hết tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết kế tiếp trong năm.

- Giá tính theo mức tương ứng với loại chứng khoán, giá trị niêm yết mới, thời gian tính giá dịch vụ từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết liền kề trước đó trong năm đến hết tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết lần tiếp theo hoặc đến hết tháng 12 của năm đó.

a4) Hoàn trả hoặc thu bổ sung tiền sử dụng dịch vụ quản lý niêm yết cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đầu tư, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công.

- Trường hợp chứng khoán bị hủy niêm yết trong năm, SGDCK hoàn trả tiền cho tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phần chênh lệch giữa số tiền mà các tổ chức trên đã trả trong năm trừ đi số tiền thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a1, a2 Khoản này.

- Trường hợp thay đổi niêm yết dẫn đến tiền sử dụng dịch vụ phải trả sau khi thay đổi niêm yết tăng lên hoặc giảm xuống so với tiền sử dụng dịch vụ đã trả thì SGDCK tính toán lại phần chênh lệch để thu bổ sung hoặc hoàn trả cho tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

b) Giá dịch vụ quản lý niêm yết chứng quyền có bảo đảm

Giá dịch vụ = Mức giá x Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)

b1) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ..

b2) Thời gian tính giá dịch vụ

- Thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm đến hết tháng cuối cùng của kỳ hạn chứng quyền có bảo đảm. Trường hợp chứng quyền có bảo đảm niêm yết lần đầu trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ của năm đầu tiên được tính từ tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm đến hết tháng 12 của năm đó và không quá kỳ hạn của chứng quyền.

- Trường hợp chứng quyền có bảo đảm đang được niêm yết nhưng bị hủy niêm yết trong thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết đến hết tháng của ngày hủy niêm yết có hiệu lực

b3) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ quản lý niêm yết chứng quyền có bảo đảm

Trường hợp chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết, SGDCK hoàn trả tiền cho tổ chức niêm yết phần chênh lệch giữa số tiền mà các tổ chức trên đã trả trừ đi số tiền thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm b1, b2 Khoản này.

4. Giá dịch vụ giao dịch

a) Giá dịch vụ giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công, chứng quyền có bảo đảm.

$$\text{Giá dịch vụ} = \text{Mức giá} \times \text{Tổng giá trị giao dịch của mỗi thành viên}$$

Trong đó:

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

$$\text{Giá dịch vụ giao dịch của mỗi thành viên} = \text{Giá trị mua chứng khoán} + \text{Giá trị bán chứng khoán}$$

(Không bao gồm giá trị mua và bán chứng khoán của giao dịch đã xác lập nhưng bị hủy bỏ do vi phạm quy định).

b) Giá dịch vụ giao dịch mua bán lại (giao dịch repo) công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công chỉ tính một lần theo giá trị giao dịch lần đầu (giao dịch mua), không tính đối với giao dịch bán lại.

c) Giá dịch vụ giao dịch bán kết hợp mua lại công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công: chỉ tính một lần theo giá trị giao dịch lần đầu (giao dịch bán), không tính đối với giao dịch mua lại.

d) Giá dịch vụ giao dịch vay và cho vay công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công: chỉ tính một lần theo giá trị giao dịch vay, cho vay, không tính giá dịch vụ đối với giao dịch hoàn trả khoản vay, cho vay.

5. Giá dịch vụ kết nối trực tuyến

Giá dịch vụ kết nối trực tuyến bao gồm giá dịch vụ kết nối lần đầu và giá dịch vụ duy trì kết nối định kỳ.

a) Giá dịch vụ kết nối trực tuyến lần đầu

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

- Trường hợp thành viên hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại thì giá dịch vụ kết nối trực tuyến lần đầu được tính như sau:

+ Thu giá dịch vụ kết nối trực tuyến lần đầu đối với thành viên hoạt động không dựa trên nguyên trạng hạ tầng cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin và phần mềm giao dịch của một trong các thành viên tham gia hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại.

+ Không thu giá dịch vụ kết nối trực tuyến lần đầu đối với thành viên hoạt động dựa trên nguyên trạng hạ tầng cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin và phần mềm giao dịch của một trong các thành viên tham gia hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại.

b) Giá dịch vụ duy trì kết nối định kỳ

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

- Thời gian tính giá dịch vụ:

+ Trường hợp thành viên không bị SGDCK ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

+ Trường hợp thành viên được chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến mới và không bị SGDCK ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến đến hết tháng 12 của năm đó.

+ Trường hợp thành viên đang kết nối giao dịch trực tuyến và ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên.

+ Trường hợp thành viên được chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến mới và ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên.

c) Trường hợp thành viên của SGDCK hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải thực hiện các thủ tục đăng ký kết nối giao dịch trực tuyến mới thì phải thanh toán giá dịch vụ duy trì kết nối định kỳ tương tự như trường hợp đăng ký làm thành viên giao dịch trực tuyến mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ

Trường hợp thành viên ngừng kết nối giao dịch trực tuyến để hủy bỏ tư cách thành viên, SGDCK hoàn trả tiền dịch vụ duy trì kết nối định kỳ cho thành viên giao dịch trực tuyến phần chênh lệch giữa giá dịch vụ mà thành viên đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản này.

6. Giá dịch vụ sử dụng thiết bị đầu cuối

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp thành viên của SGDCK và không bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên của SGDCK và không bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ban hành Quyết

định chấp thuận kết nối giao dịch từ xa đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp công ty chứng khoán đang là thành viên của SGDCK và bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch đối với thành viên để hủy bỏ tư cách thành viên.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên của SGDCK và bị SGDCK ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ban hành Quyết định chấp thuận kết nối giao dịch từ xa đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng giao dịch hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch đối với thành viên để hủy bỏ tư cách thành viên.

c) Trường hợp thành viên của SGDCK hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải thực hiện các thủ tục đăng ký thành viên mới thì phải thanh toán giá dịch vụ sử dụng thiết bị đầu cuối tương tự như trường hợp đăng ký làm thành viên mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ

Trường hợp thành viên của SGDCK hủy bỏ tư cách thành viên, SGDCK hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ cho thành viên phần chênh lệch căn cứ vào giá dịch vụ mà thành viên đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả theo hướng dẫn tại công thức và Điểm a, b Khoản này.

7. Giá dịch vụ đấu giá, chào bán cạnh tranh, dựng sổ tại SGDCK

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Giá trị cổ phần/phần vốn góp/chứng khoán khác bán được dùng để tính mức giá dịch vụ cho một cuộc đấu giá/chào bán cạnh tranh/dựng sổ.

c) Trường hợp không đủ điều kiện tổ chức đấu giá/chào bán cạnh tranh/dựng sổ hoặc bên sử dụng dịch vụ của SGDCK yêu cầu tạm dừng tổ chức đấu giá/chào bán cạnh tranh/dựng sổ hoặc tạm dừng tổ chức đấu giá/chào bán cạnh tranh/dựng sổ theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền SGDCK vẫn thu tối thiểu 20 triệu đồng/cuộc.

8. Giá dịch vụ quản lý thành viên lưu ký

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên lưu ký của VSDC và không bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong năm thì thời gian tính

giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên lưu ký và không bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên lưu ký của VSDC và bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng VSDC ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên lưu ký và bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký đến hết tháng VSDC ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký.

c) Thành viên lưu ký hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải làm các thủ tục đăng ký thành viên lưu ký với VSDC thì thực hiện thanh toán giá dịch vụ như các trường hợp đăng ký làm thành viên lưu ký mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ

Trường hợp thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, VSDC hoàn trả tiền cho thành viên lưu ký phần chênh lệch căn cứ vào giá dịch vụ mà thành viên lưu ký đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

9. Giá dịch vụ điều chỉnh số lượng chứng khoán đăng ký

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Trường hợp tổ chức phát hành được chấp thuận đăng ký chứng khoán và sau đó bị hủy đăng ký bắt buộc hoặc tự nguyện thì tổ chức phát hành không được hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ đăng ký chứng khoán.

10. Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{30 \text{ ngày}} \times \sum V_i$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Cách tính $\sum V_i$

V_i là số lượng chứng khoán lưu ký của ngày i được xác định bằng cách cộng dồn số dư chứng khoán lưu ký trên tất cả các tài khoản lưu ký chứng khoán của hoạt động môi giới cũng như tự doanh đối với chứng khoán.

$i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng phát sinh số dư chứng khoán lưu ký.

Số dư chứng khoán lưu ký hàng ngày được tính vào thời điểm cuối ngày

trên cơ sở chứng từ đã được VSDC xác nhận hiệu lực.

c) Miễn thu tiền dịch vụ lưu ký chứng khoán

Miễn thu tiền dịch vụ lưu ký chứng khoán đối với cổ phiếu của công ty đại chúng nhưng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDC.

11. Giá dịch vụ chuyển khoản chứng khoán

a) Giá dịch vụ chuyển khoản chứng khoán giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau:

Giá dịch vụ phải trả trong tháng bằng tổng giá dịch vụ chuyển khoản ngày i

($i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng phát sinh giao dịch chuyển khoản giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau)

$$\text{Giá dịch vụ chuyển khoản ngày } i = \sum(\text{Mức giá} \times V_j)$$

Trong đó:

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ..
- V_j là tổng số chứng khoán mã j trên mỗi tài khoản lưu ký chứng khoán theo yêu cầu chuyển khoản chứng khoán ngày i của thành viên bên chuyển khoản đã được VSDC xác nhận ngày hiệu lực chuyển khoản ($j = 1 \rightarrow m$ là các mã chứng khoán có phát sinh giao dịch chuyển khoản giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau tại ngày i).

b) Giá dịch vụ chuyển khoản chứng khoán để thực hiện thanh toán

Giá dịch vụ phải trả trong tháng bằng tổng giá dịch vụ chuyển khoản thanh toán ngày i ($i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng phát sinh giao dịch chuyển khoản thanh toán cho các giao dịch bán chứng khoán)

$$\text{Giá dịch vụ chuyển khoản thanh toán ngày } i = \sum(\text{Mức giá} \times P_j)$$

Trong đó:

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.
- P_j là tổng số chứng khoán mã j ($j = 1 \rightarrow m$ là các mã chứng khoán phải giao phát sinh trong giao dịch chuyển khoản thanh toán tại ngày i) phải giao phát sinh trong giao dịch chuyển khoản thanh toán tại ngày i theo Thông báo kết quả giao dịch của VSDC.

12. Giá dịch vụ thực hiện quyền

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Giá dịch vụ 1 lần thực hiện quyền được tính theo số lượng người sở hữu chứng khoán của tổ chức phát hành (bao gồm cả người sở hữu đã lưu ký và người sở hữu chưa lưu ký) trên Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập theo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.

13. Giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch

Giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch bao gồm giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch, giá dịch vụ xử lý giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán, giá dịch vụ xử lý lỗi giao dịch tự doanh và giá dịch vụ thanh toán bằng tiền.

a) Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch:

Giá dịch vụ = Mức giá x n

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.
- n là số giao dịch lỗi đã được VSDC chấp thuận xử lý

b) Giá dịch vụ xử lý giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán:

Giá dịch vụ = Mức giá x n

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.
- n là số giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán đã được VSDC chấp thuận xử lý.

c) Giá dịch vụ xử lý lỗi giao dịch tự doanh

Giá dịch vụ = Mức giá x n

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.
- n là số giao dịch tự doanh đã được VSDC chấp thuận xử lý.

d) Giá dịch vụ thanh toán bằng tiền

Giá dịch vụ = Mức giá x n

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.
- n là số giao dịch thanh toán bằng tiền đã được VSDC chấp thuận xử lý.

đ) Trường hợp lỗi giao dịch xảy ra do sự cố kỹ thuật bất khả kháng thì tùy theo từng sự cố để tính giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch theo Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d khoản này nhưng tổng giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch thành viên lưu ký, thành viên bù trừ phải trả không vượt quá 100 triệu đồng/thành viên/sự cố.

14. Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK

Giá dịch vụ = Mức giá x Giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán

Giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán = Số lượng chứng khoán chuyển quyền sở hữu x Giá chứng khoán

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Giá chứng khoán để tính giá trị giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán của tổ chức đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch:

+ Trường hợp chuyển nhượng thì giá chứng khoán tính theo giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng nhưng không thấp hơn mức giá tham chiếu của chứng khoán vào ngày VSDC thực hiện chuyển quyền sở hữu.

+ Trường hợp tặng cho, thừa kế hoặc hợp đồng không có giá chuyển nhượng hoặc không có hợp đồng chuyển nhượng thì giá chứng khoán tính theo giá tham chiếu của chứng khoán vào ngày VSDC thực hiện chuyển quyền sở hữu.

+ Trường hợp không có giá tham chiếu của trái phiếu thì giá chứng khoán tính theo mệnh giá trái phiếu.

+ Trường hợp chuyển quyền sở hữu do góp vốn bằng cổ phần vào doanh nghiệp thì giá chứng khoán tính theo giá của chứng khoán được định giá theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp nhưng không thấp hơn mức giá tham chiếu của chứng khoán vào ngày VSDC thực hiện chuyển quyền sở hữu. Trường hợp không có giá tham chiếu thì giá chứng khoán tính theo giá của chứng khoán được định giá theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp nhưng không thấp hơn mệnh giá chứng khoán.

- Đối với chứng khoán của tổ chức chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch thì giá chứng khoán tính theo mệnh giá chứng khoán.

c) Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được các bên thực hiện chuyển quyền sở hữu hoặc bên nhận chuyển quyền sở hữu hoặc nhà đầu tư thực hiện hoán đổi (mua, bán lại chứng chỉ quỹ ETF) với quỹ ETF và nhà đầu tư có yêu cầu thực hiện chứng quyền có bảo đảm hoặc bên chuyển quyền trong giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán phục vụ phát hành chứng chỉ lưu ký/bên nhận chuyển quyền trong giao dịch chuyển quyền sở hữu phục vụ hủy chứng chỉ lưu ký trả thông qua thành viên lưu ký nơi các bên thực hiện chuyển quyền sở hữu mở tài khoản lưu ký chứng khoán đối với chứng khoán đã lưu ký hoặc trả thông qua tổ chức phát hành đối với chứng khoán chưa lưu ký.

15. Giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán qua hệ thống VSDC

15.1. Giá dịch vụ quản lý giao dịch vay và cho vay chứng khoán

Giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán = Mức giá x Giá trị khoản vay tại ngày xác lập hợp đồng vay

Trong đó:

Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

Mức giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán chỉ tính 1 lần khi vay chứng

khoán, không tính khi hoàn trả.

15.2. Giá dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm

Giá dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm = Mức giá x $\sum Vi$

Trong đó:

Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

V_i : Giá trị tài sản bảo đảm (tiền và chứng khoán tính theo mệnh giá) tại ngày i

$i = 1 \rightarrow n$ là số ngày vay.

16. Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư

Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán = Mức giá x Giá trị chứng khoán phong tỏa

Giá trị chứng khoán phong tỏa = Số lượng chứng khoán phong tỏa x V

Trong đó:

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) V: Giá chứng khoán tính theo mệnh giá đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ quỹ ETF và tính theo giá phát hành lần đầu đối với chứng quyền có bảo đảm

17. Giá dịch vụ đăng ký thành viên bù trừ

Trong đó:

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Trường hợp thành viên bù trừ chấm dứt tư cách thành viên bù trừ bắt buộc hoặc tự nguyện thì không được hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ đăng ký thành viên bù trừ.

18. Giá dịch vụ quản lý thành viên bù trừ

Giá dịch vụ = $\frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ- Trường hợp tổ chức đang là thành viên bù trừ của VSDC và không bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên bù trừ và không bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên bù trừ của VSDC nhưng bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng VSDC ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên bù trừ nhưng bị VSDC thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ đến hết tháng VSDC ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ.

c) Thành viên bù trừ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải làm các thủ tục đăng ký thành viên bù trừ với VSDC thì thực hiện thanh toán giá dịch vụ như các trường hợp đăng ký làm thành viên bù trừ mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ

Trường hợp thành viên bù trừ bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên bù trừ, VSDC hoàn trả tiền cho thành viên bù trừ phần chênh lệch căn cứ vào giá dịch vụ mà thành viên bù trừ đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

19. Giá dịch vụ bù trừ

Trong đó:

$$\text{Giá dịch vụ} = \sum (\text{Giá trị giao dịch thế vị} \times \text{mức giá})$$

- Giá trị giao dịch thế vị là giá trị mua chứng khoán, giá trị bán chứng khoán của thành viên

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

20. Giá dịch vụ quản lý vị thế

$$\text{Giá dịch vụ} = \text{Mức giá} \times \sum V_i$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Cách tính $\sum V_i$

- V_i là số dư hợp đồng của ngày i được xác định bằng cách cộng dồn số dư hợp đồng trên tất cả các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên bù trừ.

$i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng có phát sinh số dư hợp đồng

- Số dư hợp đồng hàng ngày được tính vào thời điểm cuối ngày dựa trên cơ sở chứng từ/điện xác nhận đã được VSD xác nhận hiệu lực.

B. GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

1. Giá dịch vụ đăng ký thành viên chứng khoán phái sinh

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Trường hợp thành viên chứng khoán phái sinh hủy bỏ tư cách thành viên bắt buộc hoặc tự nguyện thì không được hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ đăng ký thành viên chứng khoán phái sinh.

2. Giá dịch vụ quản lý thành viên chứng khoán phái sinh

$$\text{Giá dịch vụ} = \frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}} \times \text{Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)}$$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên chứng khoán phái sinh của SGDCK và không phát sinh việc hủy bỏ tư cách thành viên trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên chứng khoán phái sinh và không phát sinh việc hủy bỏ tư cách thành viên trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên chứng khoán phái sinh đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên chứng khoán phái sinh và bị SGDCK ngừng hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh để hủy bỏ tư cách thành viên.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên chứng khoán phái sinh của SGDCK và bị SGDCK ngừng hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh để hủy bỏ tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra Quyết định chấp thuận tư cách thành viên chứng khoán phái sinh đến hết tháng SGDCK thực hiện ngừng hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh để hủy bỏ tư cách thành viên.

c) Trường hợp thành viên chứng khoán phái sinh hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải thực hiện các thủ tục đăng ký thành viên chứng khoán phái sinh mới thì phải trả tiền sử dụng dịch vụ tương tự như trường hợp đăng ký làm thành viên chứng khoán phái sinh mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ:

Trường hợp thành viên chứng khoán phái sinh hủy bỏ tư cách thành viên, SGDCK hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ cho thành viên chứng khoán phái sinh phần chênh lệch giữa giá dịch vụ mà thành viên đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản

này.

3. Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh

Giá dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai = Mức giá x Tổng số lượng hợp đồng của mỗi thành viên

Trong đó:

- Tổng số lượng hợp đồng của mỗi thành viên = Số lượng hợp đồng mua + Số lượng hợp đồng bán.

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

4. Giá dịch vụ đăng ký thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Trường hợp thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ bắt buộc hoặc tự nguyện thì không được hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ đăng ký thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.

5. Giá dịch vụ quản lý thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh

Giá dịch vụ = $\frac{\text{Mức giá}}{12 \text{ tháng}}$ x Thời gian tính giá dịch vụ (tháng)

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Thời gian tính giá dịch vụ

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh của VSDC và không bị VSDC hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm tính giá.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh và không bị VSDC hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ đến hết tháng 12 của năm đó.

- Trường hợp tổ chức đang là thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh của VSDC nhưng bị VSDC hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ trong năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng đầu năm đến hết tháng VSDC ra Quyết định hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ.

- Trường hợp tổ chức mới được chấp thuận là thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh nhưng bị VSDC hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ trong cùng một năm thì thời gian tính giá dịch vụ được tính từ tháng sau liền kề tháng VSDC cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ đến hết tháng VSDC ra Quyết định hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ.

c) Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi, mua lại mà phải làm các thủ tục đăng ký thành viên bù trừ với VSDC thì thực hiện thanh toán giá dịch vụ như các trường hợp đăng ký làm thành viên bù trừ mới.

d) Hoàn trả tiền sử dụng dịch vụ

Trường hợp thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh bị hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ, VSDC hoàn trả tiền cho thành viên bù trừ phần chênh lệch căn cứ vào giá dịch vụ mà thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đã trả trong năm trừ đi giá dịch vụ thực tế phải trả tính theo công thức và hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

6. Giá dịch vụ bù trừ chứng khoán phái sinh

Giá dịch vụ = Mức giá X $\sum V_i$

a) Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

b) Cách tính $\sum V_i$

- V_i là số hợp đồng được thế vị của ngày i được xác định bằng cách cộng dồn số lượng hợp đồng được thế vị trên tất cả các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên bù trừ.

$i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng có phát sinh giao dịch

7. Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ

Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ thành viên bù trừ phải nộp trong tháng:

$$P = P_1 + P_2$$

Trong đó:

P là giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ;

P_1 là giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bằng tiền;

P_2 là giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bằng chứng khoán;

- *Quản lý tài sản ký quỹ bằng tiền*

Đối tượng nộp: thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh có phát sinh số dư tài sản ký quỹ bằng tiền

Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bằng tiền thành viên bù trừ phải nộp trong tháng: $P_1 = \sum P_i$

$P_i =$ Mức giá x số dư tiền ký quỹ ngày i

Trong đó:

P_i là giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ ngày i

$i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng có số dư tiền ký quỹ

Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

- *Quản lý tài sản ký quỹ bằng chứng khoán*

Đối tượng nộp: thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh có phát sinh số dư chứng khoán ký quỹ

Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bằng chứng khoán thành viên bù trừ

phải nộp trong tháng: $P_2 = \sum P_i$

$P_i = \text{Mức giá} \times \sum (V_j \times k)$

Trong đó:

P_i là giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bằng chứng khoán ngày i ;

$i = 1 \rightarrow n$ là các ngày trong tháng có số dư chứng khoán ký quỹ; k là mệnh giá của mã chứng khoán có phát sinh số dư ngày i ;

V_j là tổng số dư chứng khoán ký quỹ mã j trên tài khoản chứng khoán ký quỹ tại VSDC ngày i ;

$j = 1 \rightarrow m$ là các mã chứng khoán có phát sinh số dư ngày i ;

Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

8. Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán phát sinh

Giá dịch vụ = Mức giá \times n

- Mức giá do Bộ Tài chính xem xét quyết định phù hợp từng thời kỳ.

- n là số giao dịch lỗi đã được VSDC chấp thuận xử lý.
